

Bản án số: **514/2020/DS-ST**

Ngày: 23/12/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Dũng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 344/2020/TLST-DS ngày 23/7/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2020/QĐXXST-DS ngày 10/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 289/2020/QĐST-DS ngày 30/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng MSB;**

Địa chỉ: Số 54 A Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông N H L - Chức danh: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông B Đ Q - Chức vụ: Quyền Giám đốc khối quản lý tín dụng;

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà TNR, số 180-192 NCT, phường N T B, Q1, TP.HCM;

Người được ủy quyền: Ông V M T, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà TNR, số 180-192 NCT, phường N T B, Q1, TP.HCM;

(Văn bản ủy quyền số: 3198/2020/GUQ-TGD12 ngày 18/6/2020).

(Ông T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Bà **L T N**, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: C12/22, ấp 3, xã HL, HBC, TP.HCM.

(Bà N vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn Ngân hàng MSB có người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Minh Thuận trình bày: Nguyên vào ngày 29/8/2016, bà L T N được Ngân hàng MSB đã giải ngân cho bà L T N theo hợp đồng cho vay số 1008/2016/HĐCV và khế ước nhận nợ số: 1008/2016/KUNN-08, số tiền vay là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) thời hạn vay 57 tháng (căn cứ hợp đồng tín dụng số 1008/2016/HĐCV, ngày vay 29/8/2016 và khế ước nhận nợ số: 1008/2016/KUNN-08) với lãi suất cho vay áp dụng trong suốt quá trình vay vốn là 19%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Phương thức trả nợ: trả gốc và trả lãi hàng tháng.

Thực hiện theo hợp đồng, bà L T N đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho Ngân hàng MSB từ lúc vay đến ngày 14/9/2020 với số tiền là 52.714.690 đồng (Năm mươi hai triệu bảy trăm mười bốn ngàn sáu trăm chín mươi đồng). Trong đó, số tiền gốc đã thanh toán là 22.768.705 đồng, số tiền lãi đã thanh toán là 29.945.985 đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày 05/11/2017 đến nay, bà L T N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, bà N không thực hiện việc trả gốc, lãi đúng cam kết cho MSB, mặc dù phía MSB đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà N thanh toán, nhưng bà N cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay tôi đại diện cho Ngân hàng MSB yêu cầu bà L T N trả toàn bộ số tiền vay như sau:

Buộc bà L T N phải thanh toán cho MSB toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi vay theo hợp đồng cho vay số 1008/2016/HĐCV ngày 29/8/2016 cùng khế ước nhận nợ đã ký với MSB là 198.896.808 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm lẻ tám đồng). Trong đó nợ gốc còn lại: 117.231.295 đồng (Một trăm mười bảy triệu hai trăm ba mươi một ngàn hai trăm chín mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn: 71.231.319 đồng (Bảy mươi một triệu hai trăm ba

mười một ngàn ba trăm mười chín đồng), nợ lãi quá hạn: 10.434.194 đồng (Mười triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn một trăm chín mươi bốn đồng).

Trong trường hợp bà N không tự nguyện thi hành án đúng hạn, bà L T N còn phải thanh toán thêm cho Ngân hàng MSB số tiền lãi chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng trên toàn bộ số tiền gốc chưa thanh toán cho đến ngày thanh toán xong cho chậm trả thì còn phải thanh toán thêm cho Ngân hàng số tiền lãi chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng trên toàn bộ số tiền gốc trả chậm cho đến ngày thanh toán xong cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

Bị đơn bà L T N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 39, Điều 91, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Áp dụng nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng MSB.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng MSB khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà L T N, bà N có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà L T N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L T N theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn bà L T N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các lần lấy lời khai, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà L T N vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo trình tự luật định và bà L T N phải chịu hậu quả về việc không phản đối và không chứng minh của bà N.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng MSB yêu cầu bị đơn bà L T N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 198.896.808 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm lẻ tám đồng). Trong đó nợ gốc còn lại: 117.231.295 đồng (Một trăm mười bảy triệu hai trăm ba mươi một ngàn hai trăm chín mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn: 71.231.319 đồng (Bảy mươi một triệu hai trăm ba mươi một ngàn ba trăm mười chín đồng), nợ lãi quá hạn: 10.434.194 đồng (Mười triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn một trăm chín mươi bốn đồng).

[7] Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[8] Qua xem xét hợp đồng cho vay số: 1008/2016/HĐCV ngày 29/8/2016 và khế ước nhận nợ số: 1008/2016/KUNN-08 ngày 29/8/2016 giữa Ngân hàng MSB và bà L T N là phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015

Như vậy, căn cứ vào Bảng kế hoạch trả nợ, lịch sử thanh toán và lời khai của nguyên đơn, bị đơn có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 05/11/2017 đến nay, hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn nợ gốc và lãi là 198.896.808 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm lẻ tám đồng). Trong đó nợ gốc còn lại: 117.231.295 đồng (Một trăm

mười bảy triệu hai trăm ba mươi một ngàn hai trăm chín mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn: 71.231.319 đồng (Bảy mươi một triệu hai trăm ba mươi một ngàn ba trăm mười chín đồng), nợ lãi quá hạn: 10.434.194 đồng (Mười triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn một trăm chín mươi bốn đồng).

[9] Hội đồng xét xử xét thấy, Ngân hàng MSB là tổ chức tín dụng, vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do đó, từ những căn cứ đã viện dẫn thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng MSB đối với bị đơn bà L T N, buộc bị đơn bà L T N có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng MSB số nợ gốc và tiền lãi đến hạn là 198.896.808 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm lẻ tám đồng). Trong đó nợ gốc còn lại: 117.231.295 đồng (Một trăm mười bảy triệu hai trăm ba mươi một ngàn hai trăm chín mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn: 71.231.319 đồng (Bảy mươi một triệu hai trăm ba mươi một ngàn ba trăm mười chín đồng), nợ lãi quá hạn: 10.434.194 đồng (Mười triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn một trăm chín mươi bốn đồng).

[10] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho vay số: 1008/2016/HĐCV ngày 29/8/2016 và khế ước nhận nợ số: 1008/2016/KU'NN-08 ngày 29/8/2016 giữa Ngân hàng MSB với bà L T N.

[12] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”*. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà L T N tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[13] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là

9.944.840 đồng (Chín triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm bốn mươi đồng); nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng MSB đối với bị đơn bà L T N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn bà L T N có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng MSB số nợ gốc và tiền lãi đến hạn là 198.896.808 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm lẻ tám đồng). Trong đó nợ gốc còn lại: 117.231.295 đồng (Một trăm mười bảy triệu hai trăm ba mươi một ngàn hai trăm chín mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn: 71.231.319 đồng (Bảy mươi một triệu hai trăm ba mươi một ngàn ba trăm mười chín đồng), nợ lãi quá hạn: 10.434.194 đồng (Mười triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn một trăm chín mươi bốn đồng).

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho vay số: 1008/2016/HĐCV ngày 29/8/2016 và khế ước nhận nợ số: 1008/2016/KU'NN-08 ngày 29/8/2016 giữa Ngân hàng MSB với bà L T N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà L T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.944.840 đồng (Chín triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm bốn mươi đồng);

- Nguyên đơn Ngân hàng MSB được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 4.577.499 đồng (Bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm chín mươi chín đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0079798 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- THADS huyện BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Vân Hương